**TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ**

**Hòa thượng Thượng Tịnh Hạ Không chủ giảng**

**Năm 2014**

# **TẬP 70**

*Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi.*

Mời mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

“***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***.

***A Xà Lê tồn niệm***, ***ngã đệ tử Diệu Âm***, ***thỉ tùng kim nhật***, ***nãi chí mạng tồn***, ***quy y Phật đà***, ***lưỡng túc trung tôn***, ***quy y Đạt Ma***, ***ly dục trung tôn***, ***quy y Tăng Già chư chúng trung tôn***”.

Mời xem “**Đại kinh Khoa chú**” trang 287, hàng thứ 7: “**Quả không gì chẳng cùng tận là phổ; chẳng xả nhân địa là hiền; đấy chính là vị hậu Phổ Hiền, do Như Lai hóa hiện**”.

Phần trước chúng ta học đến chỗ này, bây giờ xem tiếp phần sau: “**Còn như sách Hội Sớ giảng, thể trọn khắp Pháp giới là phổ; địa vị gần với bậc cực thánh là hiền, thì đấy là vị trung Phổ Hiền, là Đẳng giác Bồ Tát**”.

Trong kinh Đại thừa xưng là Phổ Hiền Bồ Tát, hơn một nửa đều nói là vị trung Phổ Hiền. Trong Hội Hoa Nghiêm, Văn Thù, Phổ Hiền đều là bậc vị trung, cũng tức là Đẳng giác Bồ Tát. “***Sách Hội Sớ lại nói: Có thể dẫn dắt, chế ngự hết thảy chúng***”, *đạo* là chỉ dạy, dẫn dắt, là người dẫn đường, *ngự* là kiểm soát, *chế ngự* cũng tức là hai chữ “đạo ngự” này. Cũng như ngày nay chúng ta nói là giáo thọ với giáo sư vậy, là một kiểu thân phận như vậy; có thể dẫn dắt, chế ngự hết thảy chúng sanh. Trong cái từ “***hết thảy chúng sanh này***” bao hàm cả 41 vị Pháp thân đại sĩ trong đó, có Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng và Thập địa. Các ngài vẫn tiếp nhận sự giáo hóa của Đẳng giác Bồ Tát.

Kế tiếp là Tam thừa Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn; xuống nữa là lục đạo chúng sanh. Đây là nói Bồ Tát, giúp cho chư Phật Như Lai giáo hóa tất cả chúng sanh

“**Phát mười đại nguyện vương**” như kinh Hoa Nghiêm có nói: “**Bồ Tát Phổ Hiền dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc**”; Thiện Tài Đồng Tử 53 tham học, là biểu pháp cụ thể của Bồ Tát, thật sự làm ra cho chúng ta xem. Trong 53 tham thì lần tham học đầu tiên là với Tỳ kheo Cát Tường Vân, Ngài đại biểu cho Bồ Tát Sơ trụ, Viên giáo Sơ trụ. Phổ Hiền Bồ Tát hóa thân thành 53 vị thiện tri thức, tất cả đều là hóa thân của Phổ Hiền Bồ Tát. 41 vị thứ này, chúng ta nhìn thấy rất rõ ràng. Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng; Thập địa và Đẳng giác phát mười đại nguyện vương, từ lễ kính chư Phật cho đến Phổ giai hồi hướng.

“**Nguyện vãng sanh Tây Phương**”, câu này quan trọng hơn bất cứ thứ gì. Làm thế nào khiến cho mọi người ngay trong đời này chứng đắc một cách viên mãn rốt ráo, vãng sanh Thế Giới Cực Lạc? Chỗ này chúng ta phải đặc biệt lưu ý. 41 vị Pháp thân đại sĩ tiếp nhận sự dẫn dắt của Phổ Hiền Bồ Tát, đều phát nguyện vãng sanh Tây Phương Thế Giới Cực Lạc.

“**Đặc biệt khen ngợi Di Đà**”, *dực* là phe cánh, đồng minh. Ngài cùng với Văn Thù Bồ Tát, hai người các ngài là người phò tá cho A Di Đà Phật, tiếp dẫn chúng Bồ Tát tín nguyện vãng sanh khắp mười phương. Vãng sanh đến Thế Giới Cực Lạc để nhận sự giáo hóa của A Di Đà Phật.

“**Nên trong kinh này, Ngài là Thượng thủ**”, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ. Phổ Hiền Bồ Tát ngồi trên tòa, Ngài chính là bậc Thượng thủ trong chúng Bồ Tát.

“**Lại như sách Thám huyền ký viết**”, Chú giải của bản Hoa Nghiêm 60 do Quốc sư Hiền Thủ biên soạn. Ngài có giải thích: “***Đức bao trùm Pháp giới là phổ***”, công đức vô lượng vô biên trùm khắp Pháp giới. Đây chính là ý nghĩa của từ “phổ” (Thánh thiện, nhu hòa đến cùng cực là hiền). Lão tổ tông Trung Quốc trong bộ Đại học có nói: “***Đại học chi đạo, tại minh minh đức; tại thân dân, tại chỉ ư chí thiện***”. Thánh thiện nhu hòa đến cùng tột, chính là đạt đến chỗ chí thiện. “Chí thiện” là gì? Chính là chứng đắc Phật quả cứu cánh viên mãn, đây mới được gọi là “chí thiện”. Tổ sư đại đức gọi chúng ta là “diệu thiện”, tối diệu thiện.

“**Tức là nguyện hạnh do tâm Bồ đề khởi lên**”, phát nguyện, chúng ta thấy được. Tiêu chuẩn ngay chỗ này, phát nguyện cần có tiêu chuẩn như thế nào? Phải là tâm Bồ đề. Cái gì là tâm Bồ đề? “***Thanh tịnh, bình đẳng, giác***” trên đề kinh chính là tâm Bồ đề. Thông thường trong kinh luận nói với chúng ta: Thể của tâm Bồ đề là tâm chân thành, còn dụng của tâm Bồ đề là thâm tâm, là tâm Đại bi. Thâm tâm là tự thọ dụng, chân tâm đối với mình gọi là thâm tâm, đối với chúng sanh gọi là tâm Đại từ Đại bi. Chúng tôi vì để thuận tiện trong việc học tập, nên chúng tôi viết “Tâm Bồ đề” thành mười chữ, chính là “***Chân thành, Thanh tịnh, Bình đẳng, Chánh giác, Từ bi***”. Tâm chân thành là bản thể của tâm Bồ đề, tác dụng của “tâm Bồ đề” đối với chính mình, chính là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”.

Một khi phát tâm Bồ đề, tâm của bạn liền “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, *giác* mà không mê. Ta đối với hết thảy chúng sanh chắc chắn là đại từ đại bi, đó là *tha thọ dụng*. “Thanh tịnh, bình đẳng, giác” là *tự thọ dụng*. Thanh tịnh không bị ô nhiễm, bình đẳng không phân biệt, giác thì không mê. Một khi phát Bồ đề tâm, tự nhiên kéo theo sau đó là “Nhìn thấu, Buông xả, Tự tại, Tùy duyên, Niệm Phật”, sau cùng là quy về Tịnh độ. Đây chính là nguyện do Bồ đề tâm khởi lên, nguyện là mười đại nguyện. *Hạnh* chính là việc chúng ta áp dụng nó vào trong cuộc sống, áp dụng vào công việc, ngay nơi xử việc, đối người, tiếp vật; cho nên nói “***thân, khẩu, ý***”. Bạn xem: “**thảy đều bình đẳng; trọn khắp hết thảy chỗ, đều thuần nhất diệu thiện**”, cùng với “**chỉ ư chí thiện**” được nói trong bộ Đại học là cùng một cảnh giới.

“**Đầy đủ các đức**”, công đức vô lượng vô biên đều trọn hết trong này. “**Vì vậy, lấy đó làm tên**”, Bồ Tát Phổ Hiền... Tên gọi ấy là đức hiệu của Bồ Tát. “Phổ Hiền, Văn Thù là hai vị hiệp sĩ, hầu ở hai bên Phật Thích Ca”, tông Hiền Thủ Đại thừa ở Trung Quốc cũng tức là tông Hoa Nghiêm. Thờ cúng tượng Phật, trong số đó là tượng Tỳ Lô Giá Na. Tỳ Lô Giá Na là Pháp thân của Phật Thích Ca Mâu Ni; bên tay trái Phật là Văn Thù Bồ Tát, còn phía bên tay phải là Bồ Tát Phổ Hiền. Đây gọi là hiệp sĩ, là hai vị trợ thủ của Thích Ca Như Lai, đúng thật là một trợ thủ đắc lực. Văn Thù, Phổ Hiền, hai vị Bồ Tát này, thì Văn Thù đại biểu cho giải, cho trí huệ; còn Phổ Hiền đại biểu cho hành. Trong hội Hoa Nghiêm, Văn Thù được xếp ở vị trí thứ hai, còn Phổ Hiền được xếp đầu tiên. Trong sự sắp xếp tên gọi trước hay sau, có mối quan hệ với nhau. Ý là pháp môn này, tông phái này, chú trọng ở giải hay đặt nặng ở vấn đề “hành”. Nếu như Văn Thù được xếp đầu tiên, thì chú trọng ở “giải môn”; còn như Phổ Hiền xếp thứ nhất, thì vấn đề lại chú trọng ở “hành môn”.

Chúng ta vừa nhìn là biết ngay, Hoa Nghiêm chú trọng ở “hành môn”; Tịnh độ tông của chúng ta cũng chú trọng ở “hành môn”. Còn hai vị hiệp sĩ của A Di Đà Phật bên Tịnh độ, là Quan Âm và Thế Chí. Quan Âm được xếp lên đầu, còn đại Thế Chí được xếp thứ hai. Bồ Tát Quan Âm đại biểu cho hành môn, Bồ Tát đại Thế Chí đại biểu cho giải môn, đại biểu cho trí huệ. Cái này cũng tương đồng với biểu pháp nghĩa thú trong kinh Hoa Nghiêm, đều đặt nặng ở “hành môn”. Hạnh Phổ Hiền đều được bao trọn trong mười đại nguyện này; còn “hành môn” của Tịnh độ, Quan Thế Âm Bồ Tát đại từ đại bi giúp cho A Di Đà Phật, Ngài dùng 32 ứng, 32 ứng thân thị hiện khắp Pháp giới hư không giới, tiếp dẫn chúng sanh vãng sanh Tịnh độ, khắp tất cả cõi nước của chư Phật. Cho nên, hai Ngài đứng ở hai bên tả hữu của Phật.

“**Là Thượng thủ trong hội của đức Thích Ca**”, các ngài là Thượng thủ trong pháp hội của Thích Ca Mâu Ni Phật, mà trong hội Hoa Nghiêm, Ngài cũng là bậc Thượng thủ.

“**Phổ Hiền Bồ Tát còn là trưởng tử của hết thảy chư Phật**”, kinh Hoa Nghiêm có nói Văn Thù là thứ nam, thứ nam ý là người con thứ hai. Con cả, anh cả là Ngài Phổ Hiền, Văn Thù là lão nhị. Chúng ta phải thể hội được ý nghĩa biểu pháp trong này.

“**Tứ thập Hoa Nghiêm Tứ thập tụng ghi**”, phần sau là phần nằm trong quyển 40 của Hoa Nghiêm 40, cũng chính là “***Tứ thập Hoa Nghiêm, phẩm Bồ Tát Phổ Hiền Hạnh Nguyện***”, toàn kinh có 40 quyển. Một quyển sau cùng, trong phần kệ tụng có hai câu: “***Hết thảy Như Lai có trưởng tử; danh hiệu của Ngài là Phổ Hiền***”, có hai câu như vậy. Có thể thấy Phổ Hiền đúng thật là trưởng tử của đấng Như Lai. Chỗ này có nói: “***Xuất hiện từ Pháp thân của Như Lai, hóa thành vị Đẳng giác đại sĩ; khen ngợi Thích Tôn, xướng diễn Thánh giáo***”.

Trong kinh nói với chúng ta: “**Văn Thù, Phổ Hiền đều là do Pháp thân Như Lai biến hiện ra**”, lưu hiện từ Pháp thân, hoàn toàn là từ tự tánh. Huệ năng đại sư có nói: “***Nào ngờ tự tánh, năng sanh vạn pháp***”, vạn pháp bao gồm cả giáo học mà chư Phật Bồ Tát ở mười phương thế giới đã hiện thân thuyết giảng, đều bao hàm hết trong đó, không sót một pháp nào. Đây là những thứ lưu xuất ra từ tự tánh. Hóa thành…đây là biến hóa, dùng ứng thân hay ứng hóa thân đến để giúp đỡ cho Thích Ca Mâu Ni Phật, hiệp trợ cho Phật Thích Ca trong công tác diễn xướng Thánh giáo. Xướng (唱) là giảng kinh thuyết pháp, diễn (演) ý là biểu diễn, làm ra cho chúng ta nhìn thấy.

Thuở đó, khi Phật Thích Ca còn tại thế, giảng kinh dạy học 49 năm, nhất cử nhất động của Ngài đều là Thân giáo. Những hành nghi trong đời sống của Phật Thích Ca Mâu Ni, kể từ sáng đến tối, mọi người đem chúng ghi lại rồi trở thành Giới luật. Học Giới luật chính là học cuộc đời của Thích Ca Mâu Ni Phật, cách mà đức Phật xử việc, đối người, tiếp vật. Trí huệ như vậy, uy nghi đến thế, đó là thuộc về Giới luật. *Luật* là hành môn, *giáo* là giải môn, chú trọng ở chỗ “giải”. Hành môn có hai loại, một loại là từ Ngôn giáo, trong này hàm chứa Hoa Nghiêm tông Hiền Thủ, Thiên Thai Pháp Hoa tông và Tam luận tông, còn có cả Pháp tướng Duy thức. Luật tông, Tịnh độ tông đều gói trọn ở trong giáo. Ngoại trừ giáo ra, vẫn còn một cái nữa gọi là “giáo ngoại biệt truyền”, chính là Thiền tông. Tóm lại gọi là Tam học. Giới học, Thiền tông đại biểu cho định học, Giáo hạ chính là thuộc về giáo học. Đây là tất cả pháp được thuyết trong suốt 49 năm của Phật Thích Ca, thảy đều bao gồm trọn vẹn hết trong đó.

Cổ đại đức bảo với chúng ta: “***Một đời giáo học của Thế Tôn, Luật tông thuộc về hành môn, mục tiêu cuối cùng nhất chính là Tịnh độ***”. Ngay cả Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát dùng mười đại nguyện vương dẫn về Cực Lạc, đây chính là biểu hiện được hiển bày rõ ràng nhất. Môn nào cuối cùng rồi cũng quy về Tịnh độ, quy về Tịnh độ mới được rốt ráo viên mãn. Cho nên, pháp môn này quả thật là pháp khó tin, bản thân tôi đích thân trải nghiệm qua. Thuở tôi mới nhập môn học Phật, tôi là từ triết học kinh Phật mà vào cửa, do giáo sư Phương Đông Mỹ dạy tôi. Thầy nói với tôi: “*Thích Ca Mâu Ni trên thế giới là nhà triết học vĩ đại nhất; triết học kinh Phật là triết học đỉnh cao nhất trên toàn thế giới*”. Học Phật là sự hưởng thụ cao nhất của đời người, tôi cứ như thế mà nhập môn. Cho nên, thuở đầu khi tôi còn trẻ, pháp sư Sám Vân khuyên tôi tu Tịnh độ, tôi không tiếp nhận.

Lão sư Lý rất nhiều lần khuyên tôi tu Tịnh độ, tôi cũng không chịu. Bởi do nguyên nhân gì? Vì tôi chưa có nhận thức đối với Tịnh độ, không có người giảng giải Tịnh độ một cách rõ ràng, minh bạch, nên thật rất khó tiếp nhận. Sau cùng, tôi làm sao lại tiếp nhận vậy? Là do tôi giảng kinh Lăng Nghiêm, giảng Pháp Hoa với Hoa Nghiêm thấy Văn Thù, Phổ Hiền. Khi còn trẻ học Phật, người tôi ngưỡng mộ nhất, kính ngưỡng nhất trong chúng Bồ Tát chính là Văn Thù và Phổ Hiền. Văn Thù đại biểu cho trí huệ, Phổ Hiền đại biểu cho đức hạnh. Đây là hai vị mà tôi cực kỳ tôn kính. Trong Hoa Nghiêm 40, phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện, nhìn thấy kinh văn trong quyển 39. Văn Thù và Phổ Hiền đã thành tựu như thế nào? Là “Tín, nguyện, trì danh; vãng sanh Tây Phương Thế Giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật” mà thành tựu. Thấy được đoạn kinh văn này thì lông tóc dựng đứng; hóa ra hai vị Bồ Tát mà trong tâm chúng tôi ngưỡng mộ nhất nhờ vãng sanh Thế Giới Cực Lạc mới thành tựu. Thế là từ đó, tôi không dám coi nhẹ Tịnh độ nữa, bèn nghiêm túc học tập Tịnh độ. Cuối cùng đem Tịnh độ làm rõ ràng, sáng tỏ.

Tôi học Phật lúc đó, bản Chú giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ vẫn chưa xuất hiện. Nếu như bản Chú giải này ra rồi, đối với tôi sẽ có sự trợ giúp rất lớn. Cụ Niệm giảng giải rất rõ ràng, minh bạch nhưng không thể nói những bản Chú giải của cổ nhân không giảng được rõ ràng, tường tận. Không dám nói như thế, cổ chú thật sự giảng rõ ràng, tường tận, chỉ là chúng tôi xem không hiểu, chữ nghĩa quá sâu. Hiện thời, chúng tôi đã hiểu được ý nghĩa khi xem cổ chú, nhưng thuở còn trẻ xem không hiểu. Cho nên, rất khó tiếp nhận pháp môn này. Đến khi thật sự hiểu rõ ràng, thấu triệt rồi, mới buông bỏ toàn bộ kinh giáo muốn học trước đó. Như kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa Lăng Nghiêm thảy đều buông hết, một lòng chuyên tâm học kinh Vô Lượng Thọ. Trước kinh Vô Lượng Thọ, tôi có giảng qua kinh A Di Đà Sớ Sao, giảng qua Yếu Giải của Ngẫu Ích đại sư. Bộ Sớ Sao hoàn toàn dùng kinh Hoa Nghiêm, dùng Thập Huyền Môn để giới thiệu Tây Phương Thế Giới Cực Lạc. Chúng tôi bội phục đến năm vóc sát đất.

Về sau gặp được cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, lúc đó cụ đang hoằng dương bộ kinh này, bản Hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư. Ở hải ngoại, chỉ có một mình tôi, trong nước thì chỉ có mình cụ Hoàng Niệm. Chúng tôi gặp nhau, hoan hỷ vô cùng. Sau này, chúng tôi thường xuyên giữ liên lạc với nhau, mỗi năm ít nhất tôi đến Bắc Kinh thăm cụ ba lần; tôi ở Bắc Kinh một tuần. Cụ là một bậc đại đức lỗi lạc thời bấy giờ, bậc thông tông thông giáo, hiển mật viên dung. Đối với tôi mà nói, có sự trợ giúp rất lớn. Lúc Niệm lão viết bộ Chú giải này, tôi quen biết cụ khi bản thảo vừa mới hoàn thành. Đầu tiên cho in trên giấy dầu, chưa được lưu thông rộng rãi. Cụ Niệm hết sức khiêm tốn, thỉnh giáo với tất cả đại đức khắp mười phương, tôi gặp được cụ ở Mỹ. Cụ Niệm đến Mỹ mang theo một bộ, bèn tặng cho tôi. Lúc đó, trong tâm chúng tôi thường nghĩ: “*Một pháp môn tuyệt vời đến như vậy, thù thắng không gì sánh bằng*”. Pháp môn thành tựu ngay trong đời, nhưng chưa có được một bản chú giải hoàn mỹ.

Nhìn thấy bản này của cụ Hoàng Niệm nên tôi thường nghĩ trong lòng, cuối cùng mong mỏi cũng thành sự thật rồi. Tôi bèn thỉnh giáo với lão nhân gia Ngài: “*Ngài có bản quyền không?*”. Cụ hỏi tôi: “*Thầy hỏi chuyện đó là có ý gì?*”. Nếu như có bản quyền, tôi tôn trọng Ngài; còn như không có bản quyển, tôi sẽ cho in ra. Tôi bảo: “*Tôi có thể mang sang Đài Loan cho xuất bản?*”. Cụ nói với tôi: “*Không có bản quyền, hoàn toàn không có bản quyền; hoan nghênh ấn hành lưu thông*”. Cho nên, tôi đem cái bổn này của cụ về Đài Loan, in chung thành một quyển đóng bìa cứng, vì nguyên bổn của cụ có đến bốn quyển. Lần đầu tiên cho in mười ngàn quyển, lưu thông ở hải ngoại. Đây là bản thảo đầu tiên, dùng bản này để đi in. Về sau, Niệm lão đã chỉnh lý rất nhiều, cũng bổ sung thêm một số. Cái bản in lần đầu tiên cho xuất bản ở Đài Loan, bản lúc đó là bản gốc, vừa mới cho xuất bản. Chúng ta có thể lấy cái bản cũ trước đây, đem đối chiếu với bản hiện thời; bạn sẽ thấy, Niệm lão đã tu chỉnh rất nhiều lần, chỉ mong sao có thể làm ra một bản chú giải tận thiện tận mỹ.

Hy hữu khó gặp, lão sư Lý vẫn chưa được nhìn thấy bản Chú giải này. Lúc tôi gặp mặt Niệm lão thì lão sư Lý đã vãng sanh rồi, nên thầy vẫn chưa thấy qua. Thầy chỉ thấy được bản Hội tập của cụ Hạ Liên Cư, và đã từng giảng qua một lần tại chùa Pháp Hoa Đài Trung. Thầy còn tự mình viết mi chú, bản đó lão sư Lý đã đưa cho tôi rồi. Cho nên, cái bản mà chúng ta đang học bây giờ là có sự truyền thừa. Bản này do lão sư Lý truyền cho tôi. Nếu tôi bỏ quyển này rồi đi học một quyển khác, sẽ có người bảo tôi là một người bội thầy phản đạo, cái tội đó ắt khó lòng thoát khỏi. Vì thế, tôi từng nói: “*Dù thế gian này không có lấy một người học bản này, tôi vẫn sẽ học nó*”. Vì sao? Vì đây là bản mà thầy đã trao cho tôi, tôi tin thầy không bao giờ gạt tôi. Tôi tin thầy luôn yêu thương che chở cho tôi, chính tay thầy giao cho tôi, tôi nhất quyết sẽ học xuyên suốt bản này. Vì sao thầy không trao quyển này cho người khác, mà chỉ giao cho tôi? Vì tôi có thể tiếp tục học, không từ bỏ. “Thật thà, nghe lời, thật làm”, chúng ta đã học biết bao năm qua. Những chướng ngại, khó khăn mà chúng ta vấp phải, là chuyện chưa từng xảy ra trước đây, thật không dễ dàng gì. Hết sức khó được!

Trong nước có một pháp sư trẻ tuổi hộ trì tôi, ủng hộ tôi, chính là pháp sư Hoành Lâm. Thầy ấy dùng thời gian mười năm viết ra một quyển sách, gọi là “Nếu muốn Phật pháp hưng, chỉ có tăng khen tăng”. Tôi không thân với thầy, nghe nói có gặp qua một lần nhưng tôi không để ý, thầy còn rất trẻ. Những năm cuối đời, tôi lại gặp được biểu pháp sau cùng của Hải Hiền lão Hòa thượng, Ngài làm chứng cho sự việc này. Chúng tôi rất cảm tạ lão pháp sư, cảm tạ A Di Đà Phật, cảm tạ sự gia trì của Thế Tôn. Nhờ đó, tín tâm của chúng tôi được kiên định hơn, không còn bị lung lay nữa.

Hải Hiền lão Hòa thượng 20 tuổi xuất gia, sư phụ chỉ dạy Ngài một câu “Nam mô A Di Đà Phật”, dặn dò Ngài: “*Cứ thế mà niệm tiếp tục*”. Câu Phật hiệu này, Ngài đã niệm suốt 92 năm. Sau cùng là cầm lấy quyển sách này, quyển “Nếu muốn Phật pháp hưng, chỉ có tăng khen tăng”. Cầm lấy quyển này chụp hình, vì chúng ta biểu pháp, nói với chúng ta: “Quyển kinh này là chân kinh, bản Chú giải này là bản Chú giải chuẩn xác, không hề sai sót”. Y theo bộ kinh chú này mà tu hành, hướng đi của chúng ta là đúng đắn, không hề sai. Cho nên, chúng ta phải cảm ơn. Những điều này đều gọi là Diễn xướng Thánh giáo. Hải Hiền lão Hòa thượng có diễn nhưng không có xướng, Ngài biểu diễn cho chúng ta xem. Ngài đem kinh Vô Lượng Thọ áp dụng vào trong sinh hoạt, vào trong công việc; áp dụng nó trong xử việc, đối người, tiếp vật. Ngài hoàn toàn làm được rồi, đó là Thân giáo; Ngôn giáo chưa chắc khiến mọi người tin tưởng. Ngài đã làm ra tất cả rồi, mọi người còn gì để bàn tán nữa. Vì thế cái đĩa này của Ngài, tôi xem xong liền nói với mọi người: “*Đây là tổng kết của kinh Đại thừa Vô Lượng Thọ, phải xem cái đĩa này thành kinh Vô Lượng Thọ, phải đối đãi y như nhau vậy*”. Kinh Vô Lượng Thọ là giảng giải cụ thể, còn cái này là áp dụng thực tế. Tôi khuyên mọi người: “*Nếu thật muốn tu Tịnh độ, thật muốn ngay trong đời này vãng sanh Thế Giới Cực Lạc, thân cận A Di Đà Phật, cách tu học tốt nhất chính là mỗi ngày xem đĩa ba lần, niệm Phật một vạn câu*”.

Đối với một người sơ học mà nói, một ngày phải bỏ ra năm giờ đồng hồ. Một ngày tu hành năm tiếng, một năm không gián đoạn thì việc vãng sanh Tịnh độ của bạn không thành vấn đề. Có vô vàn đồng học thật làm rồi, có người đến nói với tôi: Họ đã nghe qua một, hai trăm lần rồi. Rất hiếm có, “Thân người khó được, Phật pháp khó nghe”, Tịnh độ là pháp khó trong khó. Tuy rằng khó tin, nhưng chỉ cần bạn thật tin, thật sự phát nguyện, thật chịu niệm Phật thì chuyện vãng sanh sẽ dễ dàng hơn bất kỳ pháp môn nào. Đây quả thật là đạo dễ hành, khó tin nhưng dễ hành. Chỉ cần bạn thật sự tin tưởng, chắc chắn thành tựu, không một ai là không thành tựu.

Chúng ta xem tiếp: “**Trong Mật giáo**”, ý là Mật tông, “**Phổ Hiền chính là Kim Cang Tát Đỏa sơ tổ của Mật giáo, Kim Cang Tát Đỏa, Kim Cang Thủ Bồ Tát Ma Ha Tát**”. Phần sau là Niệm lão dẫn lời từ trong kinh điển, nói với chúng ta: “***Kinh thánh vô động tôn đại oai nộ vương; bí mật Đà ra ni chép: Ngài Kim Cang Thủ đây là Pháp thân đại sĩ. Vì vậy, tên là Phổ Hiền***”, đây là do Mật tông nói.

“**Kim Cang Trí cũng ghi**”, Kim Cang Trí là đại đức bên Mật tông, sách “Ngũ bí tát quyết” của Ngài ấy có nói: “***Kim Cang Tát Đỏa chính là tên khác của Phổ Hiền đại Bồ Tát. Ngài cũng được gọi là trưởng tử của hết thảy Như Lai, cũng gọi là đại A xà lê***”. Cái câu: “***Trưởng tử của hết thảy Như Lai***” là câu được nói trong kinh Hoa Nghiêm, Ngài cũng được gọi là đại A xà lê. Đây là danh xưng được nói trong Mật tông. “***Phẩm thứ hai Đức Tuân Phổ Hiền của kinh này, cũng có câu: Vì dạy Bồ Tát làm A xà lê***”. Bạn xem, Phổ Hiền còn có một tên gọi nữa là đại A xà lê. *A xà lê* là Phạn ngữ, dịch sang ý nghĩa Trung Quốc, nghĩa là *người thầy mô phạm*. Ngôn hành của vị thầy này chính là tấm gương cho chúng ta, chúng ta nên học theo Ngài.

“**Nay trong kinh này, Phổ Hiền đại sĩ được kể tên là bậc Thượng thủ cao nhất**”, ý nói lên cái gì? “**Chính là để hiển thị: Mật, Tịnh bất nhị**”. Chúng ta tu pháp môn này, có cần phải học thêm Mật tông không? Không cần, vì sao? Vì Mật đã ở ngay trong kinh Vô Lượng Thọ, ở ngay nơi danh hiệu A Di Đà Phật rồi. Niệm câu “Nam mô A Di Đà Phật”, đồng như bạn niệm một câu chú vậy, đây là mật chú Vô thượng. Công đức danh hiệu là không thể nghĩ bàn, trong câu danh hiệu Di Đà bao hàm cả đức hiệu của hết thảy Như Lai khắp mười phương ba đời, đều nằm trong danh hiệu này.

Bạn niệm một câu danh hiệu, đồng nghĩa bạn niệm đến tất cả, không cần thiết phải niệm thêm bất cứ cái gì khác, vì niệm đến cả rồi. Không những gói trọn danh hiệu hết thảy chư Phật, mà nó còn thâu nhiếp cả vô lượng vô biên. Kinh điển, pháp môn mà hết thảy chư Phật đã thuyết, tất cả đều ở trong câu Phật hiệu này. Cho nên, câu Phật hiệu này hàm chứa tất cả kinh giáo. Đại thừa, Tiểu thừa ở Trung Quốc, trước kia có tổng cộng mười tông phái. Hiện giờ ở Trung Quốc không có Tiểu thừa, Đại thừa thì có tám tông. Hệ Nam truyền là thuộc về Tiểu thừa, nó cũng ở trong câu danh hiệu A Di Đà Phật này. Phổ Hiền Bồ Tát được liệt vào hàng Thượng thủ, Ngài đại biểu cho điều gì? Đại biểu cho Tịnh, Mật không hai trong Tịnh độ, có cả Mật tông, có viên mãn trọn vẹn Mật tông. “**Vì vậy, Tiên sư Hạ lão nói**”, Tiên sư chính là Hạ lão, Ngài đã vãng sanh rồi. Cụ Hạ bảo rằng: “***Tịnh độ chính là hiển thuyết của Mật giáo***”. Nói rất hay! Vãng sanh đến Tây Phương Thế Giới Cực Lạc, chính là đại thành tựu, thành tựu viên mãn được nói trong Mật giáo.

Phần sau bảo rằng: “***Đại sĩ Liên Hoa Sanh, tổ sư của Hồng giáo Mật tông Tây Tạng chính là hóa thân của Phật A Di Đà. Vì vậy, Hồng giáo tôn sùng A Di Đà, sốt sắng khuyên sanh Cực Lạc hơn các tông phái khác. Trong bản giải thích kinh này, tạm chẳng bàn luận về chi tiết yếu chỉ Mật, Tịnh bất nhị***”. Trong bộ Chú giải này, không có giải thích cặn kẽ nhưng hình như cụ Hạ Liên Cư có giải thích tỉ mỉ, cụ Hoàng Niệm Tổ cũng có. Vì trước tác của hai ngài rất phong phú, thậm chí bộ kinh này là chuyên giới thiệu về pháp môn Tịnh độ, chuyên nói về “Tín nguyện trì danh, cầu sanh Tịnh độ”.

Phần sau là “**Canh Nhị**”, vị Thượng thủ thứ hai trong chúng Bồ Tát là “***Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi cũng gọi là Mạn Thù Thất Lợi***”. Đây được dịch từ âm tiếng Phạn, ý nghĩa của nó “Xứ này dịch là”, ý là người Trung Quốc chúng ta gọi là “Diệu Thủ” cũng xưng là “Diệu Cát Tường”. *Diệu* là diệu pháp, diệu huệ, diệu hạnh, Diệu Đức; đều có thể nói thông được, dịch là Diệu Thủ rất hay. Trong tất cả, thì *diệu* được xếp lên hàng đầu, “***còn dịch là Diệu Đức, là thầy của chư Phật***”. Rất nhiều người đều biết, ngài Văn Thù là thầy của bảy vị Phật.

“**Kinh phóng bát nói: nay tôi thành Phật**”, đây là lời do Thích Ca Mâu Ni Phật nói ra. “**Đều do ơn của Văn Thù Sư Lợi**”, Phật Thích Ca đã từng là học trò của ngài Văn Thù. Học trò thị hiện thành Phật, thầy lại thị hiện thành học trò của Phật Thích Ca. Giống như lên đài biểu diễn vậy, học trò đóng vai chính còn thầy thì đóng vai đào kép. Trong các vở kịch cũng thường như thế, hết sức bình thường, thầy đến để phối vai cùng nhau diễn kịch. Đóng vai chính là học trò, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát trong hội của chư Phật, Ngài đã diễn qua vô cùng nhiều mấy vai phụ đó rồi.

“**Phật Phật đạo đồng**”, Phật Phật bình đẳng. Cái lý này chúng ta nhất định phải hiểu, phải biết. Không có chuyện cái này cao, cái kia thấp, không có chuyện đó. Phật pháp là pháp bình đẳng, đến Pháp thân Bồ Tát liền nhập vào cảnh giới bình đẳng.

“**Quá khứ vô ương số chư Phật**”, ý là chúng ta hay nói vô lượng vô biên chư Phật; “**đều là đệ tử của Văn Thù Sư Lợi; các vị tương lai cũng cậy sức oai thần của Ngài**”. Tương lai, đây là nói thuở trước kia, những người tu hành mai này đều sẽ nhận được sự chiếu cố của Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. “***Ví như trẻ nít trong đời có cha mẹ***”, được cha mẹ chăm sóc cho chúng, “***Văn Thù là cha mẹ trong Phật đạo vậy***”. Do đây liền biết, bi tâm của Bồ Tát là không thể nghĩ bàn, từ bi đến tột bậc. Mỗi một người phát tâm học Phật, đặc biệt là người phát tâm cầu Tịnh độ, Ngài không bao giờ không quan tâm đến. Bạn cầu Ngài, Ngài sẽ để ý chăm lo cho bạn. Bạn không cầu Ngài, Ngài cũng chú ý đến bạn, chỉ cần bạn chân thật tu hành như lý như Pháp.

Thời cận đại, chúng ta xem thấy bộ “Hư Vân lão Hòa thượng niên phổ”. Trong đó có một đoạn: “Lão Hòa thượng năm Ngài 47 tuổi, phát tâm triều bái đến núi Ngũ Đài, thật không dễ. Cứ tam bộ nhất bái, từ Phổ Đà lạy đến Ngũ Đài Sơn, Ngài đã đi trọn vẹn hết ba năm. Bạn nghĩ cứ ba bước thì lạy một lạy, thế thì một ngày có thể đi được bao xa? Ba năm, Ngài mới lạy đến nơi. Trong chuyến hành trình ấy, hai lần Ngài bị bệnh, đều là giữa chốn đồng không mông quạnh, gần đó chẳng có người. Lúc bệnh tình nguy cấp, Ngài gặp được một gã ăn mày. Người ăn mày này đã cứu mạng lão Hòa thượng, chăm sóc cho Ngài. Lão Hòa thượng hỏi: “*Ông ấy tên gì?*”, ông ta bèn nói: “*Mình tên Văn Cát, văn trong văn chương, cát trong cát tường, gọi là Văn Cát*”. Hỏi: “*Ông sống ở đâu?*” Ông bảo, ông sống ở núi Ngũ Đài. Ông còn nói:“*Người ở núi Ngũ Đài, người nào cũng biết ông. Nếu thầy đến lễ núi Ngũ Đài, cứ hỏi thì mọi người sẽ biết*”, Hòa thượng Hư Vân ghi khắc trong lòng. Đến lần thứ hai lâm bệnh, lại gặp được kẻ ăn mày ấy. Hai lần chăm sóc cho Ngài hơn một tháng trời. Khi Ngài lạy đến núi Ngũ Đài mới đi hỏi thăm, hỏi người ta có biết một người tên là Văn Cát không, nhưng chẳng ai biết hết. Cuối cùng lên núi Ngũ Đài, gặp được rất nhiều đồng tu xuất gia, Ngài đem câu chuyện này kể với mọi người. Có người nói với Ngài: “*Văn Cát chính là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát*”. Ngài mới hốt nhiên đại ngộ. Hai lần như thế trong lúc nguy nan, Bồ Tát hiện thân, hiện thân thành một kẻ ăn mày, để cho bạn không có chút mảy may hoài nghi nào. Nơi hoang sơn hẻo lánh gặp được gã ăn mày, đó là chuyện bình thường. Người ăn mày này đã cứu Ngài, Bồ Tát cảm ứng bất khả tư nghì.

“**Như kinh Tâm Địa Quán nói, mẹ giác ngộ của ba đời là Diệu Cát Tường**”, Diệu Cát Tường chính là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Ba đời: quá khứ, hiện tại, vị lai. *Giác* chính là Phật, ngài Văn Thù được ví như mẹ của ba đời chư Phật, người mẹ chăm sóc cho con mình tỉ mỉ chu đáo. Bồ Tát Văn Thù quan tâm đến người phát tâm tu hành, cũng là chăm lo cho họ từng li từng tí. Chỉ cần những gì bạn phát ra là thật lòng, liền có cảm ứng. Những điều không có cảm ứng, đó là do không phải phát ra từ chân tâm của bạn, mà là vọng tâm. Vọng tâm sẽ không có cảm ứng, chân tâm liền có cảm ứng. Cho nên, tôi thường hay nhắc nhở mọi người: nếu bạn đã là người học Phật, phải nên dùng chân tâm, đây chính là điều đáng quý nhất của người học Phật, mà không phải thứ gì khác. Không phải căn tánh bạn lanh lợi hay không, đó là một việc khác. Điều quan trọng nhất chính là bạn không tiếp tục dùng vọng tâm nữa, bạn liền được hết thảy chư Phật Bồ Tát gia trì, đặc biệt là Bồ Tát Văn Thù, Bồ Tát Phổ Hiền, Quan Âm Bồ Tát với đại Thế Chí Bồ Tát. Đối với người tu Tịnh độ, lại càng không có chuyện không được gia trì. Vì sao bạn không thấy được điều đó vậy? Vì tâm chúng ta có ô nhiễm, có vọng tưởng, có tạp niệm. Cho nên, không thể cảm ứng được các ngài. Nếu như chúng ta buông bỏ mọi vọng tưởng tạp niệm, trong tâm chỉ có một câu Phật hiệu, cảm ứng liền hiện tiền.

Chúng ta xem tiếp phần sau: “**Sách Pháp Hoa Sớ của ngài Gia Tường giảng chữ Diệu Đức như sau: Văn Thù, Tàu dịch là Diệu Đức; do thấy rõ ràng Phật tánh, Đức không gì chẳng viên mãn, quả không gì chẳng cùng tột, nên xưng là Diệu Đức**”. Đây là phần giới thiệu rất rõ ràng, tỉ mỉ về Bồ Tát. Thế nào là “Diệu Đức”? Thấy được rõ ràng Phật tánh. Lời này thông thường chúng ta hay nói là “Đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh”, đó gọi là Diệu Đức. *Đức* không gì chẳng viên mãn, viên mãn trọn vẹn rồi, quả không gì chẳng cùng tột. *Lũy* ý là phiền não, nghĩa là đã đoạn sạch sẽ mọi phiền não, nên xưng là Diệu Đức.

Phần sau có dẫn lời từ bản Hội Sớ: “**Hội Sớ chép: Đầy đủ ba đức bí tạng**”, ba đức này chính là “Trí đức, Đoạn đức và Ân đức”. Trong Đại thừa giáo thông thường cũng gọi là “Pháp thân, Bát nhã và Giải thoát”. Đây gọi là ba đức, ba đức bí tạng. *Cụ* là đầy đủ hay nói cách khác, đây là Quả hậu Văn Thù. Phổ Hiền có Quả tiền, Quả trung và Quả hậu; Văn Thù cũng có ba loại như thế, là Quả tiền, Quả trung và Quả hậu.

“**Thần thông biến hóa không thể nghĩ bàn, nên được xưng là Diệu Đức**”. Bạn xem, lão Hòa thượng Hư Vân viên tịch cách chúng ta không lâu. Thời kỳ kháng chiến, lão Hòa thượng vẫn còn, lúc đó Ngài cũng đã 120 tuổi. Ngài triều bái đến núi Ngũ Đài, Bồ Tát Văn Thù bèn hóa thành một kẻ ăn mày đến giúp đỡ Ngài. Mỗi ngày chăm lo cơm nước cho Ngài, còn chữa bệnh cho Ngài hai lần như vậy, tổng cộng chăm cho Ngài hơn một tháng, thời gian dài như vậy. Đó là hóa thân, không phải người thật, đây chính là nói thần thông biến hóa không thể nghĩ bàn, nên xưng là Diệu Đức.

“**Viên Trung Sớ viết: Diệu Cát Tường là chứng ba đức vi diệu như Phật**”, ba đức này cùng với ba đức được đề cập trong bản “Hội Sớ” là cùng một ý nghĩa. Pháp thân, Bát nhã với Giải thoát hoặc là chúng ta hay nói là Trí đức, Đoạn đức và Ân đức. Chứng đắc đầy đủ viên mãn như sở chứng đắc của Phật.

“**Nên cũng gọi là Diệu Cát Tường, ba thứ Hoặc, Nghiệp, Khổ. Nếu còn có chút phần chẳng gọi là cát tường**”. Nếu vẫn còn một chút thì đó là gì? Là Đẳng giác Bồ Tát. Hay nói cách khác, đây là Quả hậu của Văn Thù. Sớm đã thành Phật rồi, nhưng hóa thân đến thế gian này để giúp cho Thích Ca Mâu Ni Phật, giúp cho Phật Tỳ Lô Giá Na giáo hóa chúng sanh. Văn Thù, Phổ Hiền sớm đã thành Phật rồi, cho nên cái câu “***Hoặc, Nghiệp, Khổ***” này, các ngài đã đoạn trừ sạch sẽ rồi, chẳng còn vương lại chút mảy may tập khí nào, đây chân thật gọi là cát tường. Do đó liền biết, “xưng” là cát tường, chỉ có quả vị Diệu giác được nói đến trong kinh Hoa Nghiêm, thật sự là cát tường. Đẳng giác vẫn chưa được, Đẳng giác vẫn còn một ít phần. “**địa vị đạt đến rốt ráo**”, chỗ này coi như nói rõ hết rồi, rốt ráo chính là Diệu giác.

“**Ba đức hiển lộ trọn vẹn**”: Pháp thân, Bát nhã, Giải thoát đã được hiển lộ một cách viên mãn. “**Nên lại hiệu là Diệu Cát Tường; trong chúng Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát là bậc trí huệ bậc nhất**”. Phần sau nói rất hay: “**Ngài vốn là long chủng tôn vương Như Lai, hiện tại ở cõi Thường Hỷ phương Bắc thành Phật, hiệu là Bảo Tích Như Lai**”, Ngài sớm đã thành Phật rồi. Cho nên là Bảo Tích, thành Phật nhưng hóa hiện thành thân phận Bồ Tát.

“**Đời vị lai, Ngài thành Phật hiệu là Phổ Kiến Như Lai. Như vậy, đại sĩ Văn Thù thành Phật trong ba đời: quá khứ, hiện tại, vị lai**”: Ngài là ba đời thành Phật, đây là biểu diễn, biểu pháp cho chúng ta xem, đặc biệt là biểu pháp cho Pháp thân đại sĩ nhìn thấy.

“**Nay Ngài thị hiện trong hội này làm bậc đại trí độc tôn, biểu thị pháp môn này chỉ có người đại trí mới tín nhập nổi**”, có thể tin tưởng Tịnh độ, thật không hề dễ. Không phải thật là bậc đại trí, làm sao có thể tin được chứ? Rất nhiều người tin, nhưng trong cái tin ấy lại mang theo cả sự hoài nghi. Tất cả đại chúng tu học Tịnh độ, lão sư Lý thường nói, năm đó khi thầy còn sống, chúng tôi thường nghe thầy nói: “*Liên hữu của Liên xã Đài Trung*”; lúc thầy vãng sanh, tôi nghe nói: “*Liên hữu Đài Trung, đại khái có khoảng năm chục vạn người, nhưng chân thật vãng sanh*”, thầy bảo: “*Trong một vạn người, đại khái chỉ có khoảng ba đến năm người vãng sanh*”.

Những người còn lại không được vãng sanh, nguyên nhân do đâu? Bởi do “tín”, trong “tín” lại xen vào “nghi”; đến lúc lâm chung sẽ sinh ra chướng ngại, làm bạn không thể vãng sanh; không được có nghi ngờ trong đó. Nguyện, nguyện sanh Tịnh độ nhưng ở cõi này vẫn còn vương vấn vài mối thân tình chưa chịu buông bỏ, nên cũng không thể vãng sanh. Đó đều là do thế nào vậy? Đều là do thiếu trí huệ, chân thật có trí huệ sẽ buông xả tất cả, không hề hoài nghi. Thật có hoài nghi, bản thân không được e ngại, không được giấu diếm, nhất định phải đoạn nghi, sanh tín. Dùng phương pháp gì để đoạn nghi đây? Dùng đọc kinh, đọc kinh có thể giúp bạn đoạn nghi, sanh tín. Một ngày nếu như có thể đọc mười tiếng đồng hồ, niệm khoảng ba năm, nghi liền đoạn dứt. Không có công phu của mười tiếng đồng hồ đó, e là không được, nghi hoặc của bạn không trừ được. Nghiệp chướng, tập khí, tội nghiệp, oan gia trái chủ đều là trở ngại của bạn. Cho nên, bạn nhất định phải buông xả triệt để.

Chiếc đĩa của Hải Hiền lão Hòa thượng sẽ khởi được tác dụng rất lớn, vấn đề ở chỗ bạn có chịu làm hay không. Nghe kinh nhưng không thể nhiếp tâm, vẫn còn vọng tưởng, còn tạp niệm, không thể chuyên tâm, thế thì nghe kinh không thể sanh công đức. Niệm Phật, niệm vài tiếng là tâm chạy đi đâu mất rồi, liền nghĩ vẩn vơ đâu đâu rồi. Không thể chuyên tâm, đây đều là chướng ngại hiện tiền, đều là những biểu hiện không thể vãng sanh. Chúng ta cần phải giác ngộ, cần có cái tâm cảnh giác cao độ. Thế thì phải làm sao? Hiện nay cách làm tốt nhất, tôi xin đề nghị với bạn: Chiếc đĩa của Hải Hiền lão Hòa thượng, một ngày thật sự dùng năm tiếng đồng hồ nghe nó ba lần, niệm một vạn câu Phật hiệu. Một vạn tiếng mất khoảng hai tiếng, phải chuyên chú để Phật hiệu đừng bị gián đoạn; phải chuyên tâm vào để Phật hiệu đừng bị xen tạp. Trong lúc niệm “A Di Đà Phật”, không có vọng tưởng, không có tạp niệm. Lúc niệm Phật hay nghe kinh, tốt nhất là nên tắt điện thoại đi để không có ai làm phiền bạn. Vừa có người gọi đến, công phu liền gián đoạn, coi như phá công phu rồi. Khó, rất khó! Thật có hằng tâm, có quyết tâm là làm được thôi. Không phải không làm được, nhưng những chướng duyên này bạn không được sơ suất bỏ qua. Nó quả thật sẽ lôi bạn trở lại vòng lục đạo luân hồi, không cho bạn vãng sanh, rất đáng sợ!

“**Hơn nữa, Diệu Đức là thấy rành rẽ Phật tánh, nên kinh văn đặt Ngài làm Thượng thủ**”, Ngài đại biểu cho Thiền, Tịnh bất nhị. Thiền tông dùng Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát làm bổn tôn, đại biểu cho thiền; Phổ Hiền đại biểu cho mật, cho nên nó đều có dụng ý riêng. Trong câu Phật hiệu này có thiền, có thiền viên mãn; có mật, có cứu cánh mật. Cái ý này chính là muốn dạy bạn buông bỏ thiền, cũng buông bỏ cả mật. A nan ở phần trước đại biểu cho giáo, thì giáo cũng nên buông bỏ. Hải Hiền lão Hòa thượng một câu “nam mô A Di Đà Phật” là thành tựu, thành tựu viên mãn, thành tựu một cách rốt ráo. Cho nên, Ngài ngay chỗ này “**chính là nhằm để biểu thị ý chỉ Thiền, Tịnh bất nhị**”.

Tiếp theo là vị thứ ba, chúng ta xem tiếp: “**Đương lai thừa truyền, Bồ Tát Di Lặc**”. Thật sự hiểu ra rồi, niệm A Di Đà Phật trong đó có cả Bồ Tát Di Lặc, không cần tiếp tục phân tâm nữa. Di Lặc là tiếng Phạn, dịch thành ý nghĩa Trung Quốc là “Từ Thị”. *Từ* của từ bi, “**là họ của Bồ Tát, tên Ngài là A Dật Đa**”. Ý nghĩa của A Dật Đa là “Vô Năng Thắng”, ý là Ngài thật sự rất từ bi, từ bi đến tột bậc. Tất cả sự từ bi của con người đều không cách gì so với Ngài được, Ngài vượt trội hơn nhiều, không ai có thể qua được.

Thời Tống Trung Quốc cùng thời với Nhạc Phi thời của Tống Cao Tông, ở Phụng Hóa, tại vùng Chiết Giang xuất hiện một vị gọi là Bố Đại Hòa thượng. Mọi người không ai biết pháp hiệu của Ngài, vẻ ngoài của Ngài mỗi ngày đều vác một cái bao lớn. Ra bên ngoài hóa duyên, người khác cúng dường cho Ngài, Ngài đều bỏ hết vào trong cái bao vải đó. Cho nên, người ta gọi Ngài là Hòa thượng Bố Đại. Lúc lâm chung, Ngài nói với mọi người, Ngài là Bồ Tát Di Lặc tái lai, nói xong thì Ngài ra đi. Cho nên, Trung Quốc kể từ triều Tống về sau, khi tạc tượng Bồ Tát Di Lặc thảy đều tạc theo hình tượng của Hòa thượng Bố Đại. Hơn nữa, còn để tượng của Hòa thượng Bố Đại trước cổng chùa, mặt thì đối diện với cổng lớn. Bạn vừa bước vào cổng, bạn nhìn thấy đầu tiên chính là Bồ Tát Di Lặc. Mặt lúc nào cũng tươi cười hoan hỷ, cái ý này chính là nói: “***Bước vào cửa Phật, tâm phải hoan hỷ***”, bước vào cửa Phật liền được pháp hỷ sung mãn. Mang cái ý như vậy, đây chính là ý nghĩa biểu pháp.

“**Nói đầy đủ là từ Vô Năng Thắng**”, chính là biểu pháp của Bồ Tát. Ngài được đặt trước cửa chùa, dụng ý này rất sâu. Bạn muốn nhập Phật môn, bạn có cần thông qua cổng chùa mà bước vào không? Bước vào cửa chùa, vừa nhìn là thấy ngay Ngài. Cái ý này chính là muốn nói với bạn: Không có tấm lòng từ bi chân thật, không bao giờ bước vào cửa Phật được.

Bạn học Phật là giả, không phải thật, đặc biệt là Đại thừa. Đại thừa được kiến lập dựa trên tâm Bồ đề. Tịnh nghiệp Tam phước nói hết sức rõ ràng, minh bạch rồi. Tam phước có ba điều: Điều đầu tiên là “**Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng; từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp**”. Điều thứ hai có ba câu: “**Thọ trì tam quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi**”. Điều thứ ba là dành cho Bồ Tát Đại thừa: “**Phát Bồ đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại thừa, khuyến tấn hành giả**”.

Phật giáo Trung Quốc là Đại thừa, cho nên Bồ Tát Di Lặc là Đại thừa. Đặt Ngài ngay trước cổng, bạn có tâm đại từ bi, bạn liền có thể nhập Đại thừa; bạn không có đại từ bi sẽ không vào nổi Đại thừa. Cái ý này rất sâu. Hôm nay mọi người đều quên mất ý nghĩa biểu pháp của nhà Phật, đều coi Bồ Tát Di Lặc thành một vị thần để đến cúng bái, thắp hương, dập đầu lễ lạy, còn ở trước mặt Ngài cầu nguyện. Sai hết rồi, không những phúc trong Đại thừa bạn không có được, mà đến phúc Tiểu thừa cũng không có. Đây là điều mà đức Phật đã nói trong kinh: “**Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạc năng giải**”, không có người giảng giải rõ ràng, tường tận cho bạn. Thế gian có người trí huệ nhưng họ cũng không hiểu tâm Bồ đề của Đại thừa. Bạn xem, tâm Bồ đề có ba loại: Thứ nhất là *bản thể*; thứ hai là *tự thọ dụng*; thứ ba là *tha thọ dụng*, tha thọ dụng chính là đối người, tiếp vật; đối đãi với mọi người bằng một tấm lòng từ bi; còn đối với chính mình là “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, đây là tâm chân thành.

Tâm chân thành chính là tâm thanh tịnh, tâm chân thành chính là tâm bình đẳng, tâm chân thành chính là cái tâm “minh tâm kiến tánh”. Năm chữ này nằm trong đề kinh của chúng ta: “**Thanh tịnh, bình đẳng, giác**”, đó là tự thọ dụng của tâm chân thành; đại từ đại bi là tha thọ dụng của tâm chân thành. Chúng ta phải dùng tâm chân thành mà học Phật, dùng tâm chân thành để sinh sống, dùng tâm chân thành để làm việc. Đây gọi là thật học Phật.

Hải Hiền lão Hòa thượng không biết chữ, chưa từng được đi học. “Thật thà, nghe lời, thật làm”, chính là điểm mạnh của con người Ngài. Thật thà chính là dùng chân tâm, con người này chân thật, không có cái tâm đi lừa gạt người khác; không có lòng khinh mạn, đương nhiên càng không có tâm cống cao ngã mạn. Tâm Ngài khiêm hư, cung kính, chân thành, tâm địa thanh tịnh không có ô nhiễm. Cho nên, Ngài đạt được thành tựu.

Sư phụ chỉ dạy Ngài một câu “A Di Đà Phật”, bảo Ngài: “*Cứ thế mà niệm tiếp tục*”. Ngài một mực lão thật niệm suốt 92 năm, niệm đến công phu thế nào vậy? Niệm đến đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Các vị cứ tỉ mỉ mà xem cái đĩa này, bạn có thể nhìn ra không? Ngài lúc nào đạt được công phu thành phiến? Lúc nào thì đạt được sự nhất tâm bất loạn? Lúc nào niệm đến lý nhất tâm bất loạn? Lúc nào thì A Di Đà Phật đến phó chúc cho Ngài biểu pháp, làm ra tấm gương tốt cho người niệm Phật? Bạn phải biết cách nhìn. Ngài nhận lời căn dặn của A Di Đà Phật, ở lại thế gian này thêm ít năm để biểu pháp; làm một tấm gương tốt để mọi người nhìn thấy; cho đại chúng trong xã hội với người học Phật nhìn thấy, cho người tu Tịnh độ và những người cầu vãng sanh nhìn thấy gương tốt của Ngài. Chúng ta phải biết cách nhìn, nhìn cho ra tất cả những biểu hiện của Ngài, nhìn thấy mọi việc một cách sáng tỏ.

Chúng ta nên học tập theo Ngài, thì sự vãng sanh của chúng ta quyết định thành tựu. Điều này không thể không biết. Cho nên, người học Đại thừa xử việc đối người tiếp vật, nhất định là đại từ đại bi, đặc biệt ở trong cõi đời này. Chỉ có người có lòng đại từ đại bi, có thể tu nhẫn nhục ba la mật. Trong “đại từ” này có đại trí huệ, có thể xả mình vì người.

Chúng ta xem tiếp: “**Sách Di Đà Sớ Sao viết**”, đây là lời của Liên Trì đại sư: “**Do khi Ngài còn trong thai, mẹ liền có tâm từ nên lấy đó làm họ**”. Tộc người của Ngài xưng la Từ Thị, cho nên Di Lặc là họ của Ngài. Cái họ ấy được dịch từ trên ý nghĩa, chính là bộ tộc rất từ bi. Tộc người của các ngài, ai nấy đều rất từ bi, chính là tộc Di Lặc. Bởi vì lúc mẹ Ngài mang thai Ngài, Ngài đã có lòng từ. Tâm Từ bi này đã song hành cùng Ngài kể từ khi sanh ra, đây là thứ mà Ngài mang đến từ kiếp trước.

“**Lại trong đời quá khứ gặp đại từ Như Lai, nguyện cùng mang hiệu này, liền được từ tâm Tam muội**”: Lời này ý nói Bồ Tát, không phải chỉ tu mỗi đời này mà là nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ. Ngài gặp được từ bi Như Lai, lòng vô cùng hoan hỷ. Làm đệ tử của từ bi Như Lai, nguyện tương lai khi Ngài thành tựu, cũng dùng danh hiệu này. Vì thế, Ngài đắc từ tâm Tam muội. Tam muội là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Trung chính là “định”. Tâm định ngay trên sự từ bi, từ bi chính là tâm của Ngài. Tâm Ngài là từ bi, vì thế xưng Ngài là Di Lặc.

Phần sau còn có một số công án: “**Lại nữa, xưa kia Ngài làm Bà la môn, hiệu là Nhất Thiết Trí, trong tám ngàn năm tu tập hạnh từ**”. Những điều này, đức Phật đã nói hết trong kinh. Đức Phật nói với chúng ta, Bồ Tát Di Lặc trong đời quá khứ nhiều đời nhiều kiếp đều tu tâm Từ bi. Vì vậy, trước đây đều là nhiều kiếp trong đời quá khứ, vô lượng kiếp trước đã từng là một vị Bà la môn, giáo phái này xuất hiện ở Ấn Độ. Đạo Bà la môn có địa vị cao nhất ở Ấn Độ, các ngài tự xưng là hậu duệ của Đại Phạm Thiên, cai quản giáo học của cả tôn giáo, địa vị còn cao hơn cả hoàng đế. Vua còn phải xưng Ngài là Quốc sư, hiệu là Nhất Thiết Trí. Đạo Bà la môn này, Nhất Thiết Trí Bà la môn, mất tám ngàn năm để tu tập hạnh từ.

Tuổi thọ con người ở cõi ta bà này, Phật nói với chúng ta, tuổi thọ con người dài nhất là tám vạn bốn ngàn tuổi, ngắn nhất là mười tuổi. Đến khi đạt mức mười tuổi, thì cứ 100 năm lại tăng thêm một tuổi. Tăng đến tám vạn bốn ngàn tuổi, đây gọi là chu kỳ tăng, tăng mãi. Đến khi đạt mức tám vạn bốn ngàn tuổi, thì cứ mỗi 100 năm lại giảm đi một tuổi, giảm đến mười tuổi. Cứ một chu kỳ tăng, một chu kỳ giảm, đó gọi là một tiểu kiếp; 20 tiểu kiếp gọi là một trung kiếp; bốn trung kiếp gọi là một đại kiếp. Chúng ta phải có những kiến thức này. Ở chỗ này, trong tám ngàn tuổi không có nói rõ là kiếp tăng hay kiếp giảm, chỉ nói là tám ngàn tuổi. Tuổi thọ con người càng dài, phước báu càng lớn. Chúng ta hiện thời đang ở kiếp giảm. Thích Ca Mâu Ni Phật thuở còn tại thế, thọ mạng con người là 100 tuổi. 100 năm lại giảm một tuổi, Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ đến bây giờ, theo như ghi chép của cổ thánh tiên hiền Trung Quốc, là 3041 năm ba ngàn năm, giảm đi 30 tuổi. Tuổi thọ con người thế giới hiện nay, bình quân là 70 tuổi. Tám ngàn tuổi, bất kể là kiếp tăng hay kiếp giảm, phước báo lớn hơn của chúng ta, chúng ta không sánh bằng. Ngài tu hạnh từ vào lúc đó, đại từ đại bi, bảo hộ hết thảy chúng sanh.

“**Trong thời đức Phật Phất Sa**”, Phất Sa là cổ Phật. Thế Tôn trong kinh nói với chúng ta, vị cổ Phật này từng là thầy của Thích Ca Mâu Ni và Di Lặc, cũng tức là Bồ Tát Di Lặc với Thích Ca Mâu Ni Phật đều từng là đệ tử Phật vào thời đức Phật Phất Sa. “**Lại cùng với Thích Ca Như Lai phát tâm Bồ đề, thường tu tập từ định**”. Cho nên, Thế Tôn có mối quan hệ rất mật thiết với ngài Di Lặc; vì trong đời quá khứ, các ngài là lão đồng tham, là đồng tham đạo hữu. Hơn nữa, còn hoan hỷ tu tâm Từ bi, Từ định, tức là từ tâm Tam muội, Từ định.

“**Kinh Tư Ích lại chép, chúng sanh trông thấy Ngài liền đắc Từ tâm Tam muội**”, bạn thấy Bồ Tát Di Lặc không có chuyện không sanh tâm hoan hỷ. Ngài có thể dùng từ tâm Tam muội gia trì cho chúng sanh; khiến cho chúng sanh lúc thấy mặt Ngài, đều được sự gia trì của từ tâm Tam muội; tâm Từ bi liền có thể sanh khởi. Niệm lão ở chỗ này dẫn ra rất nhiều kinh điển để chú giải cho Bồ Tát Di Lặc.

“**Kinh Bi Hoa lại chép, phát nguyện trong kiếp đao binh, ủng hộ chúng sanh; nên Ngài từ bi giáng sanh trong đời, thương xót đến muôn kiếp sau; lòng từ đến cùng tột, vượt xa phàm tiểu nên không ai hơn được Ngài (Vô Năng Thắng)**”, phần này giới thiệu về Bồ Tát. Chúng ta phải học tập theo Ngài, nhất định không được lơ là bỏ qua. Người không có tâm Từ bi không thể vãng sanh. Vì sao? Vì trong tâm Bồ đề có lòng từ bi. Người không có tâm Từ bi nghĩa là chưa phát tâm Bồ đề, niệm Phật không thể vãng sanh. Cái này kinh giảng rất rõ: “**Phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm**”. Bạn không phát Bồ đề tâm mà chỉ có nhất hướng chuyên niệm, thì không thể vãng sanh.

Kinh văn tuyệt đối không được coi sơ sài, qua loa ý nghĩa của nó. Thế Tôn trong kinh nói rất rõ ràng, bản thân chúng ta lại qua loa đại khái bỏ qua mất rồi, không chú ý đến, cho rằng chỉ cần niệm “A Di Đà Phật” là được. Bạn cứ nhìn Hải Hiền lão Hòa thượng mà xem, Ngài có lòng từ bi không? Chân thành, thanh tịnh, từ bi, Ngài đều có đủ.

Tịnh tông Học hội chúng ta đề xướng: “***Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác***” là tự thọ dụng; từ bi là tha thọ dụng. Dùng mười chữ để mô tả tâm Bồ đề. Chúng ta phải ghi nhớ, đó là “chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi”, đây gọi là phát Bồ đề tâm, người này sẽ được vãng sanh; không phát tâm Bồ đề, không thể vãng sanh. Nhớ kỹ, trên kinh có nói: “**Phát Bồ đề tâm, nhất hướng chuyên niệm**”. Không có tâm Bồ đề, mà chỉ nhất hướng chuyên niệm, chỉ như kết pháp duyên với Tịnh tông. Để chủng tử Tịnh độ rớt vào a lại da, nhưng đời này không thể vãng sanh. Tuyệt đối không được coi thường!

Lơ là qua quýt, không phải do Phật thuyết kinh qua loa đại khái, cũng không phải lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ chú giải qua loa đại khái, là do bản thân chúng ta quá sơ suất. Nhất định phải yêu thương bảo hộ người khác, phải quan tâm chăm sóc người khác. Đừng đối nghịch với người ta, làm kẻ đối đầu, đó hoàn toàn sai rồi. Oan thân trái chủ là do trước kia chưa học Phật nên kết oán với người ta. Bây giờ cũng hết cách, bây giờ học Phật, phát tâm Bồ đề, lấy công đức tu hành của chính mình đều nên hồi hướng cho oan gia trái chủ, mong có thể hóa giải mối ân oán này. Bên họ không chịu hóa giải, còn bên chúng ta hóa giải rồi. Cái này không thể không biết, đây đều là thứ gây chướng ngại vãng sanh.

Lúc A Di Đà Phật đến tiếp dẫn bạn, bạn vẫn còn oán hận; còn có tham ái, chưa buông bỏ được, Phật sẽ đi mất, Phật không chờ bạn đâu. Chân thật muốn vãng sanh, bây giờ phải buông ngay, bạn còn đợi đến lúc nào nữa? Bạn còn muốn chờ đến ngày mai sao! Ngày mai rồi lại ngày mai nữa, đến lúc mạng chung vẫn chưa buông được, bạn liền để vụt mất cơ hội lần này, thế thì đáng tiếc biết mấy. Cho nên, sự việc này không thể chờ, phải mau chóng nắm lấy. Ở đời đừng nên nghĩ cho mình, chính mình mọi chuyện tùy duyên là được rồi, tùy hỷ công đức. Nói cái gì cũng tốt, làm cái gì cũng tốt, quyết định đừng để trong tâm. Trong tâm ta chỉ có mỗi một câu “A Di Đà Phật” mà thôi. Học theo Hải Hiền lão Hòa thượng niệm Phật đến cùng, một mực niệm xuyên suốt.

Trong kinh Bi Hoa có một câu nói rất hay, nói hoàn toàn chính xác: “**Phát nguyện trong kiếp đao binh, ủng hộ chúng sanh**”. Đao binh kiếp là trong lúc chiến tranh, đây không phải thiên tai mà là nhân họa. Hiện nay, chúng ta xem thấy cuộc đàm thoại của tiến sĩ Thang Ân Tỉ, vị lão nhân này có lòng từ bi, hết sức từ bi, có tâm yêu thương. Ông nói với chúng ta: “*Hôm nay chúng ta sống trong cảnh duyên thế này*”, cảnh duyên ấy là gì? “*Chính là văn hóa nhân loại đứng bên bờ của sự tồn vong*”. Các loài sinh vật trên trái đất này có thể sống tiếp tục, hay là cùng nhau tận diệt? Chúng ta đi đến cửa ải này!

Ông nói rất rõ ràng: “*Nếu như bùng phát đại chiến Thế giới thứ ba, văn hóa nhân loại sẽ bị tiêu diệt, sẽ bị biến mất; sinh vật trên trái đất, toàn bộ bị diệt vong*”. Chiến tranh trước kia chưa có vũ khí hạt nhân, con người dẫu muốn tiêu diệt toàn thế giới cũng không làm được. Bây giờ có vũ khí hạt nhân, có thể làm được chuyện đó rồi. Hôm nay mà bùng phát chiến tranh thì không thể tưởng tượng nổi, toàn bộ thế giới sẽ bị diệt mất. Cho nên, ông nói: “*Tuyệt đối không được để phát sinh chiến tranh*”, bằng cách nào vậy? “*Cách tốt nhất chính là thế giới này thống nhất thành một nước, trở thành một quốc gia, thế thì không bao giờ có chuyện bùng nổ chiến tranh*”.

Làm sao có thể thống nhất thành một quốc gia? Cách thức không phải bằng vũ lực, mà đi bằng con đường văn hóa. Ông đưa ra một ví dụ: “*Chẳng hạn như Trung Quốc trong suốt mấy ngàn năm xuất hiện không ít lần thời kỳ thái bình thịnh thế, thịnh thế là hoàn toàn dựa vào văn hóa*”. Bốn vùng xung quanh là những nước nhỏ, họ tự động đến quy phục Trung Quốc. Không phải Trung Quốc dùng vũ lực đến gây áp lực cho họ, không phải thế mà là họ tự động đến. Họ đến triều cống, đến kết liên minh, bằng lòng nghe sự chỉ đạo của nhà lãnh đạo Trung Quốc. Vì thế Thang Ân Tỉ nói: “*Tương lai nếu như có một thế giới quốc gia xuất hiện*”, ông nói: “*Cái thế giới quốc gia này, khẳng định là người Trung Quốc cầm cương*”. Văn hóa Trung Quốc lãnh đạo, chúng ta tin tưởng nhưng lãnh đạo là cái gì lãnh đạo? Chính là “Quần thư Trị yếu”, Thang Ân Tỉ chưa hề thấy qua bộ sách này. Nếu như ông thấy được quyển sách này, ông nhất định sẽ biết. Chính là cái này, chúng tôi đã phát hiện ra bộ sách này; tìm được nó rồi, chúng tôi in ấn cho lưu thông với số lượng lớn. Hiện nay ở trong nước, Tập chủ tịch đã đem bộ này để vào giáo trình nhất định phải học ở trường Đảng. Ở Malaysia, chúng tôi chọn ra một phần trong đó, lấy ra 1/10 soạn thành một bộ “Quần thư Trị yếu 360”; đồng thời cho phiên dịch thành tiếng Anh, lưu thông ở Liên Hiệp Quốc, người nhìn thấy không ai là không hoan hỷ. Đúng là một tin tốt lành! Cho nên, tôi với người nước ngoài qua lại với nhau. Tôi có nói với họ, có người nói thế kỷ 21 là thế kỷ của người Trung Quốc. Tôi thừa nhận không sai, tôi có nói như thế. Nhưng không phải chính trị Trung Quốc, không phải vũ lực Trung Quốc, không phải khoa học kỹ thuật của Trung Quốc, cũng không phải kinh tế thương mại của Trung Quốc. Khoa học cũng không phải, mà là gì? Là “Quần thư Trị yếu” của Trung Quốc.

Họ tin rồi, đó là dùng văn hóa truyền thống của Trung Quốc. Dùng luân lý, dùng đạo đức và nhân quả, dùng giáo dục Thánh hiền để giáo hóa chúng sanh; chúng ta tin tưởng một cách sâu sắc. “***Nhân chi sơ, tánh bổn thiện***”, bổn tánh con người vốn thiện, con người đều là người tốt, không có người xấu. Người xấu là do không có người dạy họ, nên họ học hư rồi. Có người dạy họ, họ sẽ học được những điều hay lẽ phải. Điểm này không hề giả!

Hôm nay thời gian tới rồi, chúng ta học đến chỗ này.

**A Di Đà Phật.**